

Cáp treo hình số 8 (FE) Aerial Cable figure 8 (FE)

Đặc tính kỹ thuật và ứng dụng / Technical characteristics and application

- Từ 2 – 192 sợi quang SMF / Capacity: 2 to 192 fibers.
- Công nghệ chống thấm Drycore, ngăn nước và hơi ẩm xâm nhập tốt nhất / Technology Drycore waterproof, preventing moisture intrusion and water best.
- Đường kính cáp nhỏ, gọn nhẹ, dễ khi lắp đặt, xử lý và vận chuyển / Small diameter cables, compact and lightweight, easy to install, handle and transport.
- Cường độ chịu lực cao dựa vào các dây thép mạ kẽm bền lại với nhau / Cable based high-strength steel wire braid in the back together.
- Cáp được thiết kế phù hợp cho sử dụng / Cable is designed for use appropriate to the:
 - Hệ thống mạng cục bộ / Local area network system.
 - Hệ thống mạng thuê bao / The subscriber network system.
 - Hệ thống thông tin nội bộ / Internal information systems.
 - Hệ thống thông tin liên lạc đường dài / Long haul communication system.



Cấu trúc / Structure



Thông số kỹ thuật / Technical Specifications

Số sợi quang / Capacity optical fiber
Phần tử chịu lực trung tâm / Strength member
Hợp chất điền đầy ống lỏng / Filling compound
Băng quấn quanh lõi / Wrapping
Dây treo / Supporting wire
Vỏ bảo vệ / Sheath
Đường kính ngoài của cáp / Diameter cable
Bán kính uốn cong nhỏ nhất khi lắp đặt / Minimum bending radius while installation
Bán kính uốn cong nhỏ nhất sau khi lắp đặt / Minimum bending radius after installation
Sức bền kéo khi lắp đặt / Ultimate Tension Strength
Sức bền kéo sau khi lắp đặt / Estimate Tension Strength
Sức bền nén / Applied load Crush Resistance
Nhiệt độ khi lắp đặt / Installation temperature
Nhiệt độ khi làm việc / Operating temperature
Nhiệt độ lưu trữ / Storing temperature

Tiêu chuẩn / Standard

2 – 192 sợi quang / 2 – 192 fibers
Fibre Reinforce with Plastic
Dầu Jelly / Jelly compound
Băng chống thấm nước / Water blocking tape
Dây thép mạ kẽm / Galvanized steel
Nhựa HDPE màu đen / High Density Polyethylene
9.0 mm – 16.3 mm
20 lần đường kính ngoài của cáp / 20 times of overall diameter cable
10 lần đường kính ngoài của cáp / 10 times of overall diameter cable
3500 N
2700 N
2000N/100mm
- 10°C to 50°C
- 30°C to 70°C
- 30°C to 70°C

TCN 68-160:1996, TCVN 6745:2000, TCVN 8665 và IEC, EIA